TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2025**/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/01/2025
V/v "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Kim Thoa**
Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang
2. Ông Đinh Quang Tuyến
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: **Bà Trần Thị Hiền Phương** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: **Ông Trần Quốc Toản** – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 226/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc: *"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

*** <u>Nguyên đơn</u>: Chị Mai Thị Thúy L, sinh năm 1984 (có mặt)**
Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.
*** <u>Bị đơn</u>: Anh Lê Ngọc P, sinh năm 1983 (có mặt)**
Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường A, Tp. P, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà chị Mai Thị Thúy L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Mai Thị Thúy L và anh Lê Ngọc P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới. Năm 2009 thì chị L và anh P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu sau khi cưới, chị L và anh P sống rất hòa thuận, hạnh phúc, yêu thương nhau. Đến khoảng đầu năm 2024, chị L và anh P bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được.

Chị L, anh P ly thân khoảng giữa năm 2024 đến nay. Lý do chị L yêu cầu ly hôn là vì anh P không quan tâm đến gia đình, hay hành hung đánh đập chị L và con. Vì nghĩ đến các con nên chị L nhiều lần bỏ qua để cùng anh P xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại hiệu quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có hàn gắn cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc P.

Về con chung: Chị L và anh P có 03 người con chung là Lê Quốc Q, sinh ngày 08/8/2003; Lê Ngọc C, sinh ngày 28/02/2009 và Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 07/12/2011, không có con riêng. Nay cháu Q đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu C và cháu V các con có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L cam kết quá trình vợ chồng sống chung không nợ ai cũng không ai nợ chị L và anh P nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2024 anh Lê Ngọc P trình bày: Anh chị tự nguyện yêu thương nhau và chung sống từ năm 2001. Năm 2009 anh P và chị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Thỉnh thoảng anh chị có xảy ra cự cãi, mâu thuẫn, tuy nhiên không đáng kể. Anh P vẫn còn yêu thương chị L nên anh P không đồng ý ly hôn.

Tại phiên toà anh P và chị L được Hội đồng xét xử hoà giải đoàn tụ nhưng chị L vẫn không cho anh P cơ hội trở lại cuộc sống hôn nhân nên anh P thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh P và chị L xác nhận anh, chị có 03 người con chung là Lê Quốc Q, sinh ngày 08/8/2003; Lê Ngọc C, sinh ngày 28/02/2009 và Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 07/12/2011. Cháu Q đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu C tại phiên toà hôm nay có nguyện vọng được sống cùng cha nên anh P đồng ý và chị L thống nhất nguyện vọng của con, anh P không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu V có nguyện vọng sống cùng chị L thì anh P cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh P cam kết quá trình sống chung, anh P, chị L không nợ ai cũng không ai nợ anh P, chị L nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

Về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà là chấp hành đúng pháp luật; vụ án được xác định đúng quan hệ pháp luật và đúng người tham gia tố tụng; Tại phiên tòa hôm nay có sự thay đổi HTND nhưng

được các đương sự đồng ý, do đó HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Mai Thị Thúy L với anh Lê Ngọc P.

Về con chung: Ghi nhận ý kiến và sự tự nguyện của con chung và sự thống nhất của anh chị về việc nuôi con. Giao người con chung là Lê Ngọc C, sinh ngày 28/02/2009 cho anh Lê Ngọc P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao người con chung là Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 07/12/2011 cho chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị L và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về thẩm quyền:

Nguyên đơn, bị đơn đều có địa chỉ tại phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Thúy L và anh Lê Ngọc P tự nguyện yêu thương nhau, chung sống vợ chồng từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang vào năm 2009, đây là hôn nhân hợp pháp. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên toà hôm nay chị Mai Thị Thúy L xác nhận quá trình chung sống giữa anh P và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không ai còn quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, anh P không lo cho gia đình mà còn đánh đập chị. Chị L vì các con nên nhiều lần bỏ qua để cùng anh P xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh P vẫn không thay đổi nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh P. Tại phiên toà anh P cũng thừa nhận vợ chồng chung sống nhưng anh không được chị L bàn bạc hay chia sẻ chuyện gia đình nên anh không biết chị L không bằng lòng với anh ở điểm nào, chị L đã mướn nhà ở riêng từ nhiều tháng nay, không ai qua lại với nhau, nay chị L vẫn yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý.

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử hoà giải đoàn tụ giữa chị L và anh P nhưng không thành, chị L không đồng ý trở lại cuộc sống hôn nhân vì chị không còn tình cảm với anh P, nếu có quay lại sống chung thì cũng không đem lại hạnh phúc nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị L và anh P.

Về con chung: Giao người con chung là Lê Ngọc C, sinh ngày 28/02/2009 cho anh Lê Ngọc P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao người con chung là Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 07/12/2011 cho chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị L và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Lê Quốc Q, sinh ngày 08/8/2003 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị L và anh P có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, anh P và chị L có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Mai Thị Thúy L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lê Ngọc P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng pháp luật:

- Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thúy L về việc xin ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Mai Thị Thúy L và anh Lê Ngọc P.

- Về con chung: Giao người con chung là Lê Ngọc C, sinh ngày 28/02/2009 cho anh Lê Ngọc P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao người con chung là Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 07/12/2011 cho chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị L và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Lê Quốc Q, sinh ngày 08/8/2003 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị L và anh P có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, anh P và chị L có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về án phí: Chị Mai Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh P không phải chịu án phí. Nay khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã

nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006713 ngày 01 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án thành phố Phú Quốc. Chị L đã nộp xong án phí.

Án xử công khai, báo cho chị L và anh P biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; LưuVP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Thoa